

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc ủy quyền cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Long Xuyên số 526/BQLDA_KTTĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ Trưởng Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở tại Quyết định số 11/QĐ-PTNMT ngày 09/4/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Long Xuyên (sau đây viết tắt là chủ cơ sở), địa chỉ tại số 99 đường Nguyễn Thái Học nối dài (Tầng 4 – Khu B) thuộc Khu hành chính thành phố Long Xuyên, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu tái định cư các hộ sạt lở Cái Sắn (sau đây viết tắt là cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu tái định cư các hộ sạt lở Cái Sắn.

1.2. Địa điểm cơ sở: khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.3. Quyết định thành lập:

- Quyết định chủ trương đầu tư dự án:

+ Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND thành phố Long Xuyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu tái định cư các hộ sạt lở Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh;

+ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND thành phố Long Xuyên về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ sạt lở Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư:

+ Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND thành phố Long Xuyên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư các hộ sạt lở Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên.

+ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND thành phố Long Xuyên về việc điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư công trình Khu tái định cư các hộ sạt lở Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên.

+ Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND thành phố Long Xuyên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư công trình Khu tái định cư các hộ sạt lở Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên.

- Quyết định phê duyệt Trường mẫu giáo Hoa Hồng (điểm phụ):

+ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Hồng (điểm phụ), phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên.

+ Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Hồng (điểm phụ).

+ Quyết định 2077/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Hồng (điểm phụ), phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Quyết định phê duyệt Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500:

+ Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Long Xuyên về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Hoà Thạnh mở rộng, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.4. Mã số thuế: 1602033734

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất: 28.289 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): C.

+ Tổng vốn đầu tư: 38.009.000.000 (*Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, không trăm lẻ chín triệu đồng*).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất/quy mô:

ST T	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà phố liên kế	13.248,9	46,83
2	Đất giáo dục	3.748	13,25
3	Khu xử lý nước thải	323,9	1,14
4	Đất giao thông	8.458,1	29,9
5	Đất cây xanh	1.374,4	4,86
6	Mặt đê + Taluy	1.135,7	4,01
Tổng cộng		28.289	100

(Quyết định 2321/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Long Xuyên)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Long Xuyên được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Long Xuyên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu

tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 09 tháng 4 năm 2035).

Điều 4. Giao Tổ Trưởng Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở, UBND phường Mỹ Thạnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Sở NN&MT tỉnh An Giang;
- UBND thành phố;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Thành viên tổ kiểm tra theo QĐ số 11/QĐ-PNNMT;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, MT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Trí Quang

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-PNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Long Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt hằng ngày như tắm giặt, nhà bếp,... và nước thải từ hầm tự hoại của các hộ dân với lưu lượng 101 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ các chậu rửa tay, từ hầm tự hoại của Trường mẫu giáo với lưu lượng 14,965 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được thải ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương công cộng tiếp giáp dự án, thuộc khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vị trí này được phê duyệt tại văn bản số 3900/XN-STNMT ngày 02/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác nhận đăng ký Kế hoạch BVMT).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí thuộc khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 1141348.84; Y: 580169.79 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày (24 giờ), tương đương 5 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải 120 m³/ngày.đêm sẽ theo hệ thống cống HDPE D315, chiều dài 315,1m thoát ra nguồn tiếp nhận.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A; $C_{max} = C \times K$ với hệ số $K=1$, khu dân cư từ 50 căn hộ trở lên); và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$; chỉ tiêu Clo dư) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tuần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000		
12	Clo dư	mg/L	0,99		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt hằng ngày như tắm giặt, nhà bếp,... và nước thải từ hầm tự hoại của các hộ dân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại từng hộ gia đình theo tuyến ống uPVC Ø90 dẫn ra hố ga thu gom nước thải, sau đó nước theo theo đường ống uPVC D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ các chậu rửa tay, các bể xí của Trường mẫu giáo được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó được thu gom nội bộ bằng tuyến ống uPVC Ø200 sau đó đầu nối vào hố ga HG_{D3}⁹ nằm tại góc đường số 3 của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở để dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng tuyến ống uPVC D250.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Số lượng: 01 bể tự hoại 3 ngăn đặt tại khu nhà vệ sinh của trường học; 169 bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi hộ gia đình.

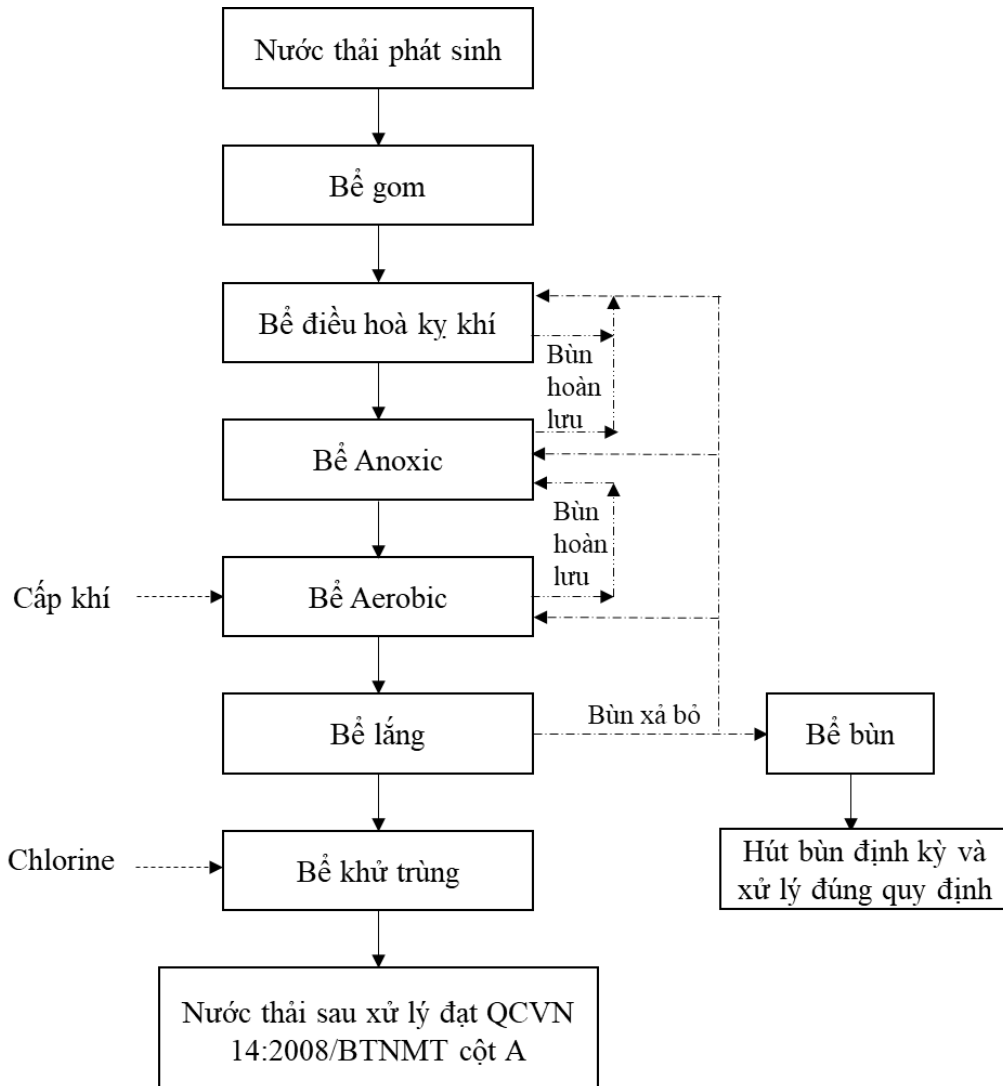
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → hệ thống thu gom nước thải nội bộ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Dung tích thiết kế: bể tự hoại hộ gia đình có thể tích $0,7 \text{ m}^3$, bể tự hoại của trường học có thể tích $18,03 \text{ m}^3$.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: hệ thống xử lý nước thải kết hợp 3 quá trình kỵ khí, thiếu khí, hiếu khí.



- Công suất thiết kế: $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Clorine với khối lượng khoảng $1,2\text{kg}/\text{ngày}$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chung:

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực của hệ thống xử lý nước thải, đồng thời tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành.

- Trang bị máy bơm dự phòng, máy sục khí dự phòng để sử dụng khi gặp sự cố máy hư.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Ngừng xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, khẩn trương thực hiện rà soát, kiểm tra phát hiện sự cố để kịp thời xử lý đảm bảo không để nước thải gây ô nhiễm môi trường. Nhanh chóng khắc phục để hệ thống sớm vận hành trở lại, đảm bảo không để xảy ra tình trạng nước thải phát sinh vượt quá khả năng chịu tải của hệ thống xử lý nước thải. Báo ngay nhà cung cấp và cơ quan chức năng có thẩm quyền về sự cố và tổ chức khắc phục trong vòng 24 giờ.

1.4.2. Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo kịch bản:

a) Sự cố bọt nổi trắng:

- + Đặc điểm: Bọt to, nổi nhiều tăng dần tới đầy mặt bể. Khi đó cần phải kiểm tra tính chất nước thải đầu vào.

- + Khắc phục: Nước thải chứa nhiều chất hoạt động bề mặt (bọt trắng nổi như bọt xà phòng) cần phải sục khí, khuấy đều 30 phút – 1 tiếng thì bọt sẽ giảm dần rồi hết, pH của nước thải cao ≥ 8 . Sự cố này cần kiểm tra tính chất nước thải đầu vào, điều chỉnh pH giảm xuống thích hợp với quá trình xử lý sinh học, hoặc sử dụng hóa chất phá bọt (hạn chế sử dụng do giá thành cao).

b) Sự cố bọt nổi do quá tải:

- + Nguyên nhân: Lượng vi sinh hoạt tính trong bể xử lý hiếu khí quá ít. Do nồng độ chất hữu cơ trong bể xử lý sinh học hiếu khí cao (giá trị COD trong bể vi sinh hoạt tính vượt quá khả năng xử lý của vi sinh vật hiếu khí rất nhiều lần. COD > 1000 mg/lít vi sinh hiếu khí bị sốc).

- + Khắc phục: Để khắc phục hiện tượng bọt nổi do nồng độ COD vượt quá khả năng xử lý của vi sinh vật, cần kiểm tra lại tính chất nước thải đầu vào và các công đoạn xử lý trước khi nước thải đi vào bể vi sinh hiếu khí. Để khắc phục hiện tượng bọt nổi nhiều do lượng vi sinh vật hoạt tính trong bể rất ít, cần bổ sung thêm lượng vi sinh vật trong bể.

c) Sự cố bọt màu trắng, nổi bọt to, có bùn trên bề mặt bọt nổi, bùn màu nâu đen:

- + Nguyên nhân: Vi sinh vật bị chết, lượng vi sinh vật này tiết ra các chất nhờn, hình thành các bọt khí trên bề mặt, bùn vi sinh hoạt tính bị chết sẽ bám lên các bọt khí đó.

+ Khắc phục: ngay lập tức tiến hành cứu lượng vi sinh hoạt tính còn lại trong bể sinh học hiếu khí bằng cách: tắt sục khí để lắng 1 tiếng, tiến hành bơm nước thải ra. Tiến hành bơm nước sạch vào bể Aerotank sục khí 30 phút và để lắng, tiếp tục bơm nước ra và bổ sung thêm vi sinh.

d) Sự cố bùn mịn, bùn lắng chậm, nước thải sau 30 phút có màu vàng:

+ Nguyên nhân: Bùn vi sinh hoạt tính bị mất hoạt tính (bùn mịn) do vi sinh vật thiếu thức ăn (chất hữu cơ). Vi sinh vật thiếu thức ăn nên bùn vi sinh không phát triển, bùn rất mịn.

+ Khắc phục: Tăng tải lượng (lượng thức ăn) cho vi sinh vật bằng cách tăng lưu lượng nước cần xử lý, bổ sung thêm các chất dinh dưỡng.

e) Hiện tượng bùn nổi trong bể lắng:

+ Nguyên nhân: Trong nước thải chứa nhiều vi sinh vật *Nitrosomonas* và *Nitrobacter* oxy hóa Amoni thành Nitrat, khi bùn vi sinh qua bể lắng, bùn lắng dưới đáy bể lắng. Khi bùn lắng lại vi sinh vật tiêu thụ hết lượng DO trong dòng nước thải khi đó vi sinh vật bị thiếu khí và thời gian lưu bùn lâu.

+ Khắc phục: tăng lượng bùn tuần hoàn, kiểm tra hiệu quả xử lý nitrat.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành, xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận nếu có sự cố bất thường, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Mỹ Thạnh và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-PNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Long Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sử dụng.

- Khu vực đặt các máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp đặt bên trong nhà vận hành, hạn chế việc phát tán tiếng ồn ảnh hưởng môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, kiểm định đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-PNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Long Xuyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	01
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	02
Tổng				03

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	841,8

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 43.524 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa trong nhà: bố trí cạnh nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải. Kết cấu nền được đổ bê tông chống thấm, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; ngoài cửa ra vào có biển dấu hiệu cảnh báo CHẤT THẢI NGUY HẠI với kích thước 30cm mỗi chiều. Bên trong bố trí 01 bình chữa cháy loại 05kg, cát khô và xẻng để sử dụng trong các trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ

tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; Bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, màu vàng, có dung tích 40 lít, có dán nhãn phân loại.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2 m².

2.2.Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bể chứa bùn có kết cấu bằng BTCT, chống thấm với thể tích 22,425 m³ (kích thước: DxRxH: 3m x 1,3m x 5,75m).

2.2.Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 06 thùng rác có thể tích 40 lít có nắp đậy tại mỗi phòng học (01 thùng/phòng học) và 03 thùng rác 120 lít có nắp đậy đặt tại khu vực cổng trường.
- Bố trí 02 thùng rác có thể tích 60 lít bố trí tại công viên.
- Tại mỗi hộ gia đình tự trang bị thùng rác để phân loại và lưu giữ đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở có trách nhiệm thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý các chất thải rắn phát sinh tại cơ sở: chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, thu gom nước thải đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức thực hiện ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-PNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Long Xuyên)

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, hóa chất theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan./.